

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **22/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 26/5/2021

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lâm Thanh Điền**

Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Phước Lộc**

2. Ông Dương Tấn Đầu

Thư ký phiên tòa: **Ông Đặng Đình Toàn** – Thư ký Tòa án thành phố Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST- HNGĐ, ngày 22/4/2021, về: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 10/5/2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1977 (Có đơn xét xử vắng mặt)

* **Bị đơn:** Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1972 (Có đơn xét xử vắng mặt)

* **Con chung:** Cháu **Trần Minh T**, sinh ngày 03/10/2011 (Có đơn xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường 30/4, kp 1, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh kG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại bản tự khai và tại phiên hòa giải nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Vào năm 2001 chị H anh Trần Văn H tự tìm hiểu yêu thương nhau chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 16/12/2002 và Trần Minh T, sinh ngày 03/10/2011.

Thời gian đầu chị H và anh H chung sống hạnh phúc, vui vẻ, nhưng thời gian gần đây tình cảm vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vì nghĩ đến tương lai các con mà chị H và anh H đã hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả mà tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- **Về hôn nhân:** Yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn H là vợ chồng.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống chị H và anh H có 02 người con chung Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 16/12/2002 và Trần Minh T, sinh ngày 03/10/2011. Cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, còn cháu T có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), nếu cháu T có nguyện vọng sống với chị H thì chị H đồng ý và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản và công nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Bị đơn anh Trần Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai, tại phiên hòa giải anh H có ý kiến như sau:** Về hôn nhân, con chung, tài sản và công nợ như chị Trần Thị Thu H trình bày là đúng.

Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian gần đây tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. vợ chồng hay cãi nhau và không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống anh H và chị H đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện nay anh H và chị H không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh H có ý kiến như sau.

- **Về hôn nhân:** Yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa anh Trần Văn H và chị Trần Thị Thu H là vợ chồng.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 16/12/2002 và Trần Minh T, sinh ngày 03/10/2011. Cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, còn cháu

T có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), nếu cháu T có nguyện vọng sống với anh H thì anh H đồng ý và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, nếu cháu T có nguyện vọng sống với chị H thì anh H đồng ý và anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản và công nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* **Con chung cháu Trần Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai, phiên hòa giải cháu T trình bày ý kiến:** Cháu T là con ruột của anh Trần Văn H và chị Trần Thị Thu H, hiện tại cháu T đang học lớp 2 trường tiểu học DD 4, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. Nếu chị H và anh H ly hôn cháu T có nguyện vọng sống chung với chị H vì chị H luôn quan tâm lo lắng cho cháu T đầy đủ về mọi mặt, đây là nguyện vọng của cháu T không ai ép buộc và xúi giục, cháu T xin cam đoan những lời trình bày trên là đúng sự thật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Trần Văn H có nơi cư trú tại thành phố PQ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh KG theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H và bị đơn anh Trần Văn H, con chung cháu Trần Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 nên HĐXX xét xử vắng mặt chị H, anh H và cháu T là phù hợp theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn H tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2001, hai người có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống như vợ chồng là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quá trình chung sống có 02 người con chung Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 16/12/2002 và Trần Minh T, sinh ngày 03/10/2011; Về tài sản và công nợ chung không có, nay chị H yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý và thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là có thật. Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn H là vợ chồng.

- **Về con chung:** Chị H và anh H có 02 người con chung Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 16/12/2002 và Trần Minh T, sinh ngày 03/10/2011. Cháu Linh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét. Cháu Trần Minh T, sinh ngày 03/10/2011 có nguyện vọng sống chị H và chị H cũng đồng ý. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu T cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành, phù hợp với nguyện vọng của cháu T là muốn được sống với chị H.

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử miễn xét

- **Về tài sản và công nợ chung:** Chị H và anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 35; 228, 238, 147; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 14; 53, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 người con chung Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 16/12/2002 và Trần Minh T, sinh ngày 03/10/2011. Cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

Giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 03/10/2011 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), phù hợp với nguyện vọng của cháu T là muốn được sống với chị H.

Vì lợi ích chung về mọi mặt của con chung nên chị H và anh H khi cần thiết được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn H có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về tài sản và công nợ chung: Chị H và anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PQ, theo biên lai thu số 000020, ngày 19/4/2021 chị H đã nộp xong.

Anh Trần Văn H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh KG.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh KG;
- VKS thành phố PQ;
- THA thành phố PQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lâm Thanh Điền